

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Phan Thị Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1990. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

CCCD số: 040190018435.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q (xã S cũ), tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1990. Vắng mặt.

CCCD số 040085020968.

Nơi ĐKTT trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã Q (xã S cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân P đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 tại UBND xã S, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tình cảm hạnh phúc. Năm 2024 anh P xuất cảnh đi làm ăn và hiện nay đang sinh sống làm việc tại C. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc để chia sẻ tình cảm, động viên nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây, do khoảng cách địa lý xa xôi, tình cảm hai vợ chồng lạnh nhạt dần và anh P không còn tin tưởng chị nữa. Mỗi

lần gọi có sự cãi vã và có những lời nói gây tổn thương cho nhau nên chị và anh P không còn liên lạc nói chuyện với nhau thường xuyên. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù gia đình hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Vợ chồng có 03 (ba) con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/8/2016, Nguyễn Tấn S, sinh ngày 08/8/2018, Nguyễn Trần Hạnh Đ, sinh ngày 03/7/2023 đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh P hiện đang ở nước ngoài nên chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cả ba con chung mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) kể từ tháng 3/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản trình bày đề ngày 10/12/2025 do bà Nguyễn Thị D (mẹ anh P) giao nộp tại Tòa án, bị đơn anh P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh thống nhất như ý kiến chị M trình bày, năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong thời gian anh đi lao động ở nước ngoài chị M không tin tưởng anh, luôn nghi ngờ, những khi anh gọi điện về hỏi thăm vợ, con chị luôn nói khó nghe, mâu thuẫn giữa anh và chị M không thể khắc phục được. Chị M xin ly hôn anh đồng ý theo yêu cầu của chị M. Về quyền nuôi các con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/8/2016, Nguyễn Tấn S, sinh ngày 08/8/2018, Nguyễn Trần Hạnh Đ, sinh ngày 03/7/2023, nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản thống nhất như yêu cầu của chị M.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, bị đơn anh P vắng mặt. Chị M không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh P cư trú, chỉ biết anh đi sang Canada từ năm 2024 đến nay. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy báo tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho anh P thông qua mẹ để là bà Nguyễn Thị D, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu bà D1 cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, bà D cho biết anh P ở nước ngoài, thường xuyên liên lạc về với gia đình, nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể của anh mà chỉ biết hiện nay anh đang sinh sống tại Canada. Anh P đã biết về việc Tòa án nhân dân khu vực 4- Nghệ An đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M với anh, quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng do bà D thông báo, anh P đã có ý kiến trình bày gửi Tòa án thông quan người thân giao nộp.

Kết quả xác minh tại Công an xã Q: Anh Nguyễn Xuân P đăng ký thường trú tại thôn A, xã Q, tỉnh Nghệ An. Qua xác minh thông tin gia đình và cơ sở cho biết anh P đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và chưa về địa phương.

Theo kết quả trả lời tại công văn số 281/QLXNC-Đ1 ngày 20/01/2026 của

Phòng Q- Công an tỉnh N. Anh Nguyễn Xuân P xuất cảnh ngày 25/3/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Chị M, anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An. Địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P, chị M. Con chung của anh P, chị Mười Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/8/2016, Nguyễn Tấn S, sinh ngày 08/8/2018, Nguyễn Trần Hạnh Đ, sinh ngày 03/7/2023, hiện nay anh P đang ở nước ngoài không ở nhà, chị M xin ly hôn, quyền nuôi con chung, cấp dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Tuấn S1 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, 71 và các quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 469 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân P. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/8/2016, Nguyễn Tấn S, sinh ngày 08/8/2018, Nguyễn Trần Hạnh Đ, sinh ngày 03/7/2023 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi ba con chung cùng chị M mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), kể từ tháng 3/2026 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, người trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị M chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ nhưng được khấu trừ tại biên lai tạm ứng án phí nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị M có đơn đề nghị Tòa án giải việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Xuân P, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, Bị đơn anh Nguyễn Xuân P có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 122, Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của anh P và yêu cầu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh P biết việc Tòa án nhân dân khu vực 4-Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị M và anh P. Tuy nhiên, anh P đã có ý kiến trình bày gửi Tòa án nhưng anh và bà D không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng anh P trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Xuân P có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 tại UBND xã S, huyện Q nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị M, anh P là hợp pháp, tuân thủ điều kiện pháp luật quy định. Năm 2024, anh P đi sang Canada, do khoảng cách địa lý xa xôi, tình cảm hai vợ chồng lạnh nhạt dần và không còn tin tưởng nhau nữa nên chị và anh P không còn liên lạc nói chuyện với nhau thường xuyên. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị M anh P có ba con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/8/2016, Nguyễn Tấn S, sinh ngày 08/8/2018, Nguyễn Trần Hạnh Đ,

sinh ngày 03/7/2023, không ai có con nuôi, con riêng. Hiện nay các con đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng nuôi dưỡng, chị M cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con chung. Anh P đang sống ở nước ngoài, thống nhất việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và phù hợp với nguyện vọng của các con chung được ở với mẹ, nên tiếp tục giao các con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị M yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi ba con chung cùng chị M mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), kể từ tháng 3/2026 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành. Xét thấy việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con và anh P cũng đồng ý với yêu cầu về cấp dưỡng của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu về cấp dưỡng của nguyên đơn.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 100, 122, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Khoản 5, 6 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: Giao 03 (ba) con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 10/8/2016, Nguyễn Tấn S, sinh ngày 08/8/2018, Nguyễn Trần Hạnh Đ, sinh ngày 03/7/2023 cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Xuân P cấp dưỡng nuôi ba con chung cùng chị M mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), kể từ tháng 3/2026 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ

quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004405 ngày 02/12/2025. Bị đơn anh Nguyễn Xuân P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Nghệ

